

Số: 2782 /TTr-UBND

Quới Điền, ngày 26 tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH
**Về việc xin điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, giải pháp
phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Quới Điền.

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 26/12/2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-STC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở Tài chính về việc giao chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, vận động hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 17/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao chỉ tiêu giảm nghèo năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 204/QĐ-SNN&MT ngày 30/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp, thủy sản và môi trường năm 2026;

Căn cứ Công số 4718/UBND-KGVX ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt chỉ tiêu giải quyết việc làm và chỉ tiêu đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4797/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao chỉ tiêu phát triển người tham gia bảo hiểm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2026.

I. SỰ CẦN THIẾT ĐỂ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG MỘT SỐ CHỈ TIÊU

Qua rà soát các Quyết định, Công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã đã ban hành, Ủy ban nhân dân xã nhận thấy cần điều chỉnh 04 chỉ tiêu¹ đã được Hội đồng nhân dân xã quyết nghị và bổ sung 02 chỉ tiêu chưa có trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã².

Để bảo đảm thống nhất giữa chỉ tiêu tỉnh giao với chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã năm 2026, Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu để làm cơ sở tổ chức triển khai thực

¹ Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân;

² Phát triển mới doanh nghiệp; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ nhà máy nước; lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài và giải quyết việc làm; giảm hộ nghèo.

hiện và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 trên địa bàn xã.

II. CÁC CHỈ TIÊU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

1. Điều chỉnh các chỉ tiêu

- a) Phát triển mới 05 doanh nghiệp.
- b) Phần đầu tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 87,2%.
- c) Giảm hộ nghèo 12 hộ.
- d) Phần đầu lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đạt 31 lao động; giải quyết việc làm cho 1.150 lao động.

2. Bổ sung các chỉ tiêu.

- a) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 100%.
- b) Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện 815 người.

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết và phụ lục)

Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, thống nhất thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- LDVP, CV;
- Lưu: VT, PKT.



Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2026 ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết HĐND xã năm 2026	Chỉ tiêu tỉnh giao	Kết quả 7 tháng đầu năm 2026	So sánh		Đề xuất bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu	Ghi chú
						Nghị quyết	Chỉ tiêu tỉnh giao		
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ								
1	Phát triển mới doanh nghiệp	DN	4	5	7	175.0%	140.0%	5	Tăng 01 DN
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG								
2	số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	người		815	401		49.2%	Thêm chỉ tiêu	
3	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân	%		100	100		100.0%	Thêm chỉ tiêu	
4	Giảm hộ nghèo	%	0,34 (22 hộ)	12 hộ	-	-	-	12 hộ	
5	Phấn đấu lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài	Lao động	20	31	13	65%	42%	31	Tăng 11 LĐ
	Giải quyết việc làm cho lao động	Lao động	1,050	1,150	685	65%	60%	1,150	Tăng 100 LĐ
6	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ nhà máy nước	%	81,4-85	87.2	77.00	95%	88%	87.2	Tăng 5,8%

Số: /NQ-HĐND
(Dự thảo lần 2)

Quới Điền, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, giải pháp
phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ TƯ
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-STC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở Tài chính về việc giao chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, vận động hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 17/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao chỉ tiêu giảm nghèo năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 204/QĐ-SNN&MT ngày 30/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp, thủy sản và môi trường năm 2026;

Căn cứ Công số 4718/UBND-KGVX ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt chỉ tiêu giải quyết việc làm và chỉ tiêu đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4797/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao chỉ tiêu phát triển người tham gia bảo hiểm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2026;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền về việc xin điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân xã thống nhất điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026 đã được Hội đồng nhân dân xã quyết nghị tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh các chỉ tiêu

a) Phát triển mới 05 doanh nghiệp.

b) Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ nhà máy nước đạt 87,2%.

c) Giảm hộ nghèo 12 hộ.

d) Phấn đấu lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đạt 31 lao động; giải quyết việc làm cho 1.150 lao động.

2. Bổ sung các chỉ tiêu.

a) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 100%.

b) Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện 815 người.

Điều 2. Bổ sung một số giải pháp thực hiện

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, vận động các hộ kinh doanh có đủ điều kiện chuyển đổi thành doanh nghiệp; rà soát, lập danh sách các hộ kinh doanh có tiềm năng để tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.

- Rà soát số hộ dân chưa sử dụng nước sạch từ nhà máy nước, xác định nguyên nhân từng khu vực có tỷ lệ sử dụng thấp để có giải pháp vận động, hỗ trợ phù hợp. Đẩy mạnh tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn đối với sức khỏe và đời sống nhân dân. Phối hợp với đơn vị cung cấp nước rà soát, mở rộng mạng lưới cấp nước đến các khu vực còn thiếu; tạo điều kiện thuận lợi để người dân đăng ký lắp đặt đồng hồ nước, đấu nối và sử dụng nước sạch. Thường xuyên theo dõi tiến độ phát triển hộ sử dụng nước máy, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phấn đấu nâng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ nhà máy nước đạt 87,2%.

- Rà soát, phân loại cụ thể từng hộ nghèo, xác định nguyên nhân nghèo và nhu cầu hỗ trợ của từng hộ để xây dựng phương án hỗ trợ phù hợp. Tập trung hỗ trợ sinh kế, vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội; hướng dẫn hộ nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh, chăn nuôi, trồng trọt phù hợp với điều kiện thực tế. Đẩy mạnh đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ người lao động tiếp cận các cơ hội việc làm phù hợp; ưu tiên hỗ trợ các hộ có khả năng và điều kiện thoát nghèo bền vững. Thường xuyên theo dõi kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, phấn đấu giảm 12 hộ nghèo.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, rà soát các nhóm đối tượng chưa tham gia để kịp thời vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội, các tổ chức đoàn thể và các áp tổ chức rà soát, tuyên truyền trực tiếp đến người lao động, hộ kinh doanh, các đơn vị sử dụng lao động và lực lượng lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và người lao động có khả năng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền về thị trường lao động ngoài nước, điều kiện, quy trình, chi phí, quyền lợi và các chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Rà soát, lập danh sách lao động trong độ tuổi có nhu cầu và đủ điều kiện để tư vấn, định hướng nghề nghiệp, đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng cần thiết. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có chức năng tuyển dụng, đào tạo và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để tổ chức tư vấn, tuyển chọn lao động; tạo điều kiện để người lao động tiếp cận các chương trình hỗ trợ vay vốn và các chính sách có liên quan. Đồng thời, tăng cường kết nối cung - cầu lao động, thông tin kịp thời các vị trí việc làm trong và ngoài địa phương; phối hợp tổ chức các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề, phân đấu giải quyết việc làm cho 1.150 lao động và đưa 31 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, kỳ họp thứ tư (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ngành thuộc UBND xã;
- Lưu: VT.HĐND

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Cẩm

Phụ lục
TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng năm 2026
của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

STT	Chỉ tiêu Nghị quyết số 37/NQ-HĐND	Chỉ tiêu Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung	Tổng hợp chỉ tiêu Nghị quyết sau điều chỉnh, bổ sung
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ		
1	Thu nhập bình quân đầu người 80 triệu đồng/người/ năm		Thu nhập bình quân đầu người 80 triệu đồng/người/ năm
2	Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản tăng 5%		Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản tăng 5%
3	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10%		Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10%
4	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 39.570 triệu đồng		Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 39.570 triệu đồng
5	Phát triển mới 04 doanh nghiệp	Phát triển mới 07 doanh nghiệp	Phát triển mới 07 doanh nghiệp

STT	Chỉ tiêu Nghị quyết số 37/NQ-HĐND	Chỉ tiêu Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung	Tổng hợp chỉ tiêu Nghị quyết sau điều chỉnh, bổ sung
6	Phát triển mới 150 ha diện tích dừa hữu cơ và nâng cao chất lượng diện tích dừa hữu cơ hiện có		Phát triển mới 150 ha diện tích dừa hữu cơ và nâng cao chất lượng diện tích dừa hữu cơ hiện có
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG		
7	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 85%		Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 85%
8	Người dân trong độ tuổi trưởng thành tiếp cận kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin số đạt 90%		Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 85%
9	Tỷ lệ học sinh THCS bỏ học đạt dưới 1%		Tỷ lệ học sinh THCS bỏ học đạt dưới 1%
	Đạt phổ cập giáo dục với trẻ em 5 tuổi		Đạt phổ cập giáo dục với trẻ em 5 tuổi
10	Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40,2 %		Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40,2 %

STT	Chỉ tiêu Nghị quyết số 37/NQ-HĐND	Chỉ tiêu Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung	Tổng hợp chỉ tiêu Nghị quyết sau điều chỉnh, bổ sung
11		Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 815 người	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 815 người
		Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 100%	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 100%
12	Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều giảm 0,34%	Giảm 12 hộ nghèo	Giảm 12 hộ nghèo
13	Vận động từ 20 lao động trở lên đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng	Phấn đấu đưa 31 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Phấn đấu đưa 31 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
	Giới thiệu việc làm mới cho 1.050 lao động	Giải quyết việc làm cho 1.150 lao động	Giải quyết việc làm cho 1.150 lao động
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 88,5%		Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 88,5%
	Vận động mới ít nhất 70 hộ dân đăng ký thu gom rác		Vận động mới ít nhất 70 hộ dân đăng ký thu gom rác

STT	Chỉ tiêu Nghị quyết số 37/NQ-HĐND	Chỉ tiêu Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung	Tổng hợp chỉ tiêu Nghị quyết sau điều chỉnh, bổ sung
15	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%		Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%
	(trong đó: tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ nhà máy nước đạt 81,4-85%)	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ nhà máy nước đạt 87,2%	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ nhà máy nước đạt 87,2%
III	CHỈ TIÊU QUỐC PHÒNG - AN NINH, HÒA GIẢI CƠ SỞ		
16	Tỷ lệ tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao		Tỷ lệ tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao
	Xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao		Xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao
17	Phấn đấu cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và áp dụng chuẩn an toàn về an ninh, trật tự		Phấn đấu cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và áp dụng chuẩn an toàn về an ninh, trật tự
	Xã đạt an toàn về an ninh trật tự		Xã đạt an toàn về an ninh trật tự
	Duy trì xã không ma túy		Duy trì xã không ma túy

STT	Chỉ tiêu Nghị quyết số 37/NQ-HĐND	Chỉ tiêu Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung	Tổng hợp chỉ tiêu Nghị quyết sau điều chỉnh, bổ sung
	Kéo giảm 5% các loại tội phạm, vi phạm pháp luật		Kéo giảm 5% các loại tội phạm, vi phạm pháp luật
	Kiểm chế tai nạn giao thông trên cả 3 mặt (số vụ, số người chết và số người bị thương)		Kiểm chế tai nạn giao thông trên cả 3 mặt (số vụ, số người chết và số người bị thương)
18	Tỷ lệ hòa giải thành ở cơ sở đạt từ 90% trở lên		Tỷ lệ hòa giải thành ở cơ sở đạt từ 90% trở lên

KẾT LUẬN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY XÃ

Ngày 26/8/2026, Ban Thường vụ Đảng ủy xã tổ chức cuộc họp Ban Thường vụ đột xuất. Qua xem xét nội dung Tờ trình số 93-TTr/BXDD, ngày 26/8/2026 của Ban Xây dựng Đảng về xin chủ trương điều chỉnh chỉ tiêu phát triển đảng viên năm 2026 và Tờ trình số 2781/TTr-UBND, ngày 26/8/2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc xin điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026, Ban Thường vụ Đảng ủy xã kết luận, thống nhất chủ trương các nội dung như sau:

1. Thống nhất điều chỉnh chỉ tiêu về xây dựng tổ chức Đảng năm 2026

- Chỉ tiêu phát triển đảng viên mới năm 2026: Điều chỉnh tăng từ 16 đảng viên lên 24 đảng viên.

- Chuyển chỉ tiêu xây dựng 05 chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy xã đạt “chi bộ bốn tốt”, 50% chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở đạt “chi bộ bốn tốt” sang thực hiện năm 2027. Lý do chuyển sang thực hiện năm 2027: Thực hiện theo Công văn số 1042-CV/BTCTU ngày 30/3/2026 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc hướng dẫn xét công nhận danh hiệu “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt” sẽ được thực hiện vào tháng 01/2027, trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại năm 2025 và năm 2026.

2. Thống nhất điều chỉnh các chỉ tiêu kinh tế - văn hóa xã hội, môi trường năm 2026

- Chỉ tiêu giảm hộ nghèo: Điều chỉnh giảm từ 22 hộ xuống còn 12 hộ.

- Phần đầu chỉ tiêu lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài điều chỉnh tăng từ 20 lao động lên 31 lao động; giải quyết việc làm cho lao động điều chỉnh tăng từ 1.050 lao động lên 1.150 lao động.

- Phần đầu chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch: Điều chỉnh từ 81,4% - 85% tăng lên 87,2%.

- Bổ sung chỉ tiêu mới: Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 815 người; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 100%.

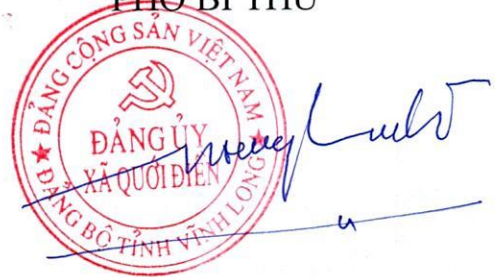
Giao Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban nhân dân xã phối hợp Văn phòng Đảng ủy xã thực hiện quy trình xin ý kiến Ban chấp hành Đảng bộ xã theo quy định.

Trên đây là Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy xã tại cuộc họp ngày 26/8/2026, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện tốt Kết luận này.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ban Xây dựng Đảng;
- Các đồng chí UVBCH Đảng bộ xã;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Lê Mộng Linh

Số: 216 /BC-HĐND

Quới Điền, ngày 27 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026 (lĩnh vực kinh tế - ngân sách)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Quới Điền.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-STC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở Tài chính về việc giao chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, vận động hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 204/QĐ-SNN&MT ngày 30/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp, thủy sản và môi trường năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Quới Điền tại Thông báo số 204/TB - HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã về việc phân công chuẩn bị kỳ họp thứ tư (kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân xã Quới Điền khoá XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã tiến hành thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc xin điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026 (lĩnh vực kinh tế - ngân sách), kèm theo Tờ trình số 2782/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền.

Kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách như sau:

1. Thẩm quyền ban hành và tính phù hợp của Nghị quyết

Việc ban hành nghị quyết này thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.

2. Về nội dung, bố cục dự thảo nghị quyết

a) Về nội dung: Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết: Việc ban hành nghị quyết này làm cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo cơ quan liên quan, các ngành chức năng và địa phương tập trung huy động mọi nguồn lực thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

b) Về bố cục: Phù hợp với quy định của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Quới Điền

a) Đối với chỉ tiêu phát triển mới 05 doanh nghiệp

- Rà soát toàn bộ các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; phân loại các hộ có quy mô hoạt động ổn định, doanh thu tương đối, có khả năng mở rộng sản xuất, kinh doanh để tập trung tuyên truyền, vận động chuyển đổi thành doanh nghiệp.

- Phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế hướng dẫn trực tiếp cho các hộ kinh doanh về hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp, đăng ký thuế, hóa đơn điện tử, chế độ kế toán và các quy định có liên quan, hạn chế tâm lý e ngại khi chuyển đổi lên doanh nghiệp.

- Tăng cường tuyên truyền các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp mới thành lập, nhất là chính sách về thuế, tín dụng, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đào tạo và hỗ trợ khởi nghiệp nhằm tạo động lực cho người dân mạnh dạn đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh.

- Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức tín dụng và các chương trình hỗ trợ vốn để giới thiệu, hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh có nhu cầu tiếp cận các nguồn vốn vay phù hợp, phục vụ đầu tư máy móc, trang thiết bị và mở rộng sản xuất, kinh doanh.

- Ưu tiên vận động phát triển doanh nghiệp trong các lĩnh vực có tiềm năng của địa phương như sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, đặc biệt là các sản phẩm từ cây dừa; thương mại - dịch vụ, vận tải, xây dựng, sản xuất hàng hóa và các ngành nghề nông thôn.

b) Đối với chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ nhà máy nước đạt 87,2%

- Quan tâm phối hợp với đơn vị đầu tư cung cấp nước sạch, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước sạch trên địa bàn xã, ưu tiên các khu vực còn khó khăn, chưa được tiếp cận sử dụng nguồn nước sạch, nhằm từng bước nâng cao tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt chuẩn, khắc phục tình trạng thiếu nước, nước yếu, chất lượng nước chưa bảo đảm phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân sử dụng nước sạch, nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn nước và sức khỏe cộng đồng; vận động các hộ dân chưa sử dụng nước sạch chủ động đầu nối, sử dụng nguồn nước bảo đảm chất lượng.

- Quan tâm hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn trong việc tiếp cận, đầu nối và sử dụng nước sạch, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Trên đây là báo cáo thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết về việc xin điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 (lĩnh vực kinh tế - ngân sách). Ban Kinh tế - Ngân sách trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND xã;
- TT HĐND, UBND xã;
- Thành viên Ban Kinh tế - Ngân sách;
- VP HĐND và UBND xã;
- Các phòng ban liên quan;
- Lưu: VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Hồ Thị Ngọc Sơn

Số: 2743 /TTr-UBND

Quới Điền, ngày 22 tháng 8 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc xin điều chỉnh một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp
phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Quới Điền.

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 26/12/2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 17/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao chỉ tiêu giảm nghèo năm 2026;

Căn cứ Công số 4718/UBND-KGVX ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt chỉ tiêu giải quyết việc làm và chỉ tiêu đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2026;

I. SỰ CẦN THIẾT ĐỂ BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU

Qua rà soát các Quyết định, Công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã đã ban hành, Ủy ban nhân dân xã nhận thấy có 01 chỉ tiêu được tỉnh giao cao hơn¹ và 01 chỉ tiêu tỉnh giao thấp hơn² chỉ tiêu đã được Hội đồng nhân dân xã quyết nghị.

Để bảo đảm thống nhất giữa chỉ tiêu tỉnh giao với chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã năm 2026, Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 trên địa bàn xã.

II. CÁC CHỈ TIÊU ĐIỀU CHỈNH

1. Lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đạt 31 lao động; giải quyết việc làm cho 1.150 lao động.

2. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều giảm 0,19.% (12 hộ).

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết và phụ lục)

Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, thống nhất thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT, PKT.



Mai Hoàng Nhựt

¹ Chỉ tiêu lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài và chỉ tiêu giải quyết việc làm.

² Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều.

Số: /NQ-HĐND
(Dự thảo)

Quới Điền, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp
phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ TƯ
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 17/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao chỉ tiêu giảm nghèo năm 2026;

Căn cứ Công văn số 4718/UBND-KGVX ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt chỉ tiêu giải quyết việc làm và chỉ tiêu đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2026;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền về việc xin bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân xã thống nhất điều chỉnh một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026 đã được Hội đồng nhân dân xã quyết nghị tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025, cụ thể như sau:

- Số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng: 31 lao động; Giải quyết việc làm: 1.150 lao động.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều giảm 0,19% (12 hộ)

Điều 2. Bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền về thị trường lao động, chính sách hỗ trợ người lao động; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có chức năng tuyển dụng, đào tạo và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo

hợp đồng; đồng thời thực hiện tốt công tác tư vấn, phổ biến chính sách việc làm và giới thiệu việc làm cho người lao động trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ cụ thể theo từng hộ nghèo: hỗ trợ sinh kế, vốn vay ưu đãi từ ngân hàng chính sách, đẩy mạnh công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm phù hợp với từng đối tượng.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, kỳ họp thứ tư (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ngành thuộc UBND xã;
- Lưu: VT.HĐND

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Cẩm

Phụ lục

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2026 ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số 2743 /TTr-UBND, ngày 22 tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu tỉnh giao	Kết quả 7 tháng đầu năm 2026	So sánh		Đề xuất bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu	Ghi chú
						Kế hoạch	Chỉ tiêu tỉnh giao		
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
I	CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG								
1	Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều giảm	%	0,34 (22 hộ)	0,19 (12 hộ)	-	-	-	0,19 (12 hộ)	Giảm 0,25 % (10 hộ)
2	Lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài	Lao động	20	31	13	65%	41,9%	31	Tăng 11 LĐ
	Giải quyết việc làm cho lao động	Lao động	1.050	1.150	685	65,2%	59,6%	1.150	Tăng 100 LĐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ QUỚI ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37 /NQ-HĐND

Quới Điền, ngày 26 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 3
(KỲ HỌP THƯỜNG LỆ CUỐI NĂM 2025)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Xét Báo cáo số 1405/BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về kết quả thực hiện Nghị quyết của HĐND xã về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026; Tờ trình số 1402/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc thông qua dự thảo Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Quới Điền năm 2026

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính; ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, bảo vệ tài nguyên và môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu. Bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống Nhân dân; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí mới; tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải thiện chỉ số cải cách hành chính địa phương.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Chỉ tiêu kinh tế:

- (1) Thu nhập bình quân đầu người đạt 80 triệu đồng/người/năm.
- (2) Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản tăng 5%.
- (3) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10%.
- (4) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 39.570 triệu đồng.
- (5) Phát triển mới 04 doanh nghiệp.

(6) Phát triển mới 150 ha dừa hữu cơ.

b) Chỉ tiêu văn hóa - xã hội, môi trường:

(7) Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 85%.

(8) Người dân trong độ tuổi trưởng thành tiếp cận kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin số đạt 90%.

(9) Công nhận đạt phổ cập giáo dục đối với trẻ em 5 tuổi; kéo giảm tỷ lệ học sinh cấp trung học cơ sở bỏ học dưới 01%.

(10) Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40,2%.

(11) Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội; tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt chỉ tiêu tỉnh giao.

(12) Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều giảm 0,34%.

(13) Vận động từ 20 lao động trở lên đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; giới thiệu việc làm mới cho 1.050 lao động.

(14) Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 88,5%. Vận động mới ít nhất 70 hộ trên các tuyến đường chính đăng ký thu gom rác.

(15) Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% (trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ nhà máy nước đạt từ 81,4% đến 85%).

c) Chỉ tiêu quốc phòng, an ninh, hòa giải cơ sở:

(16) Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu; xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân đạt chỉ tiêu trên giao.

(17) Phần đầu đạt 90% cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và áp đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự; xã đạt an toàn về an ninh trật tự; duy trì xã không ma túy. Kéo giảm 5% các loại tội phạm, vi phạm pháp luật; kiểm chế tai nạn giao thông trên cả 3 mặt (số vụ, số người chết và số người bị thương).

(18) Tỷ lệ hòa giải thành ở cơ sở đạt từ 90% trở lên.

Điều 2. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

1. Xác định sản xuất nông nghiệp là kinh tế mũi nhọn của xã; trong đó cây dừa, con bò, con dê và con gà là cây trồng, vật nuôi chủ lực. Chú trọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất theo hướng tập trung, xây dựng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi an toàn theo hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn; phát triển dừa hữu cơ gắn với mã số vùng trồng để xuất khẩu. Tăng cường biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tập trung thực hiện các biện pháp phòng, chống hạn mặn, duy trì và linh hoạt trong vận hành hệ thống tưới tiêu, thoát nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã. Tập trung thực hiện tốt việc chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và

không theo quy định. Đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; phấn đấu đạt 01 - 02 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên và công nhận lại các sản phẩm hết thời hạn. Tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; duy trì Ngày Chủ nhật Nông thôn mới.

2. Thu hút đầu tư hạ tầng thương mại, hệ thống phân phối, bán lẻ và mời gọi đầu tư nâng cấp, sắp xếp buôn bán tại các chợ, từng bước ổn định tình hình kinh doanh tại các chợ hướng đến chợ văn minh, chợ số. Duy trì thường xuyên ra quân lập lại hành lang an toàn giao thông tại các tuyến đường và các chợ trên địa bàn.

3. Quản lý ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tăng thu ngân sách. Chi ngân sách nhà nước đúng đối tượng, chế độ, đảm bảo chi an sinh xã hội và thực hiện các chính sách đã ban hành; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi cho đầu tư phát triển.

4. Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Chủ động lập kế hoạch đầu tư công năm 2026, kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030 để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách tỉnh, nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn hợp pháp khác. Tập trung tháo gỡ khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2026, kiểm soát chặt chẽ chất lượng các công trình đầu tư¹. Quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn xã. Khảo sát, đề xuất về trên đầu tư, cải tạo hệ thống giao thông, điện, cấp nước, công trình thủy lợi góp phần nâng cao năng lực phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

5. Tập trung siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý, sử dụng đất đai; tiếp tục xử lý, giải quyết các trường hợp đất công bị chiếm do lịch sử để lại qua các thời kỳ; kịp thời giải quyết các hồ sơ còn tồn đọng liên quan đến đất đai nhất là các hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra và xử lý hoạt động khai thác khoáng sản, khoan giếng sử dụng nước ngầm trái phép. Kiểm soát tốt ô nhiễm môi trường thông qua truyền thông, kiểm tra và xử lý môi trường; xây dựng các mô hình thu gom, phân loại và xử lý rác sinh hoạt tại nguồn; vận động người dân đăng ký sử dụng nước máy.

6. Tiếp tục có giải pháp phát huy vai trò kinh tế tư nhân, tập trung vận động phát triển doanh nghiệp mới, phát động các doanh nghiệp tham gia các hoạt động chuyển đổi số theo chỉ tiêu; hỗ trợ và tạo điều kiện về các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định. Tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh phục hồi, tái tạo năng lực sản xuất kinh doanh.

¹ Năm 2026 dự kiến thi công 02 tuyến đường: ĐA.04 (xã Mỹ Hưng cũ) và ĐX.03 giai đoạn 2 (Hòa Lợi cũ).

Tăng cường tiếp xúc các doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của hợp tác xã trong phát triển kinh tế - xã hội; tập trung củng cố, nâng cao chất lượng các hợp tác xã, tổ hợp tác, nhất là các hợp tác xã nông nghiệp. Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ các loại hình kinh tế hợp tác, tạo điều kiện cho các hợp tác xã mở rộng liên doanh, liên kết trao đổi hàng hóa, nâng cao giá trị và tiếp cận thị trường để thúc đẩy kinh tế hợp tác phát triển; sớm thành lập mới Tổ dịch vụ chăm sóc vườn dừa hữu cơ, tuyên truyền, vận động giữ vững diện tích dừa hữu cơ hiện có và phát triển thêm diện tích dừa hữu cơ mới, bảo đảm tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương.

7. Đổi mới phương thức dạy học theo hướng chủ động, linh hoạt, hiện đại; nâng cao rõ rệt chất lượng dạy và học, chú trọng giáo dục mũi nhọn và mở rộng không gian nghiên cứu khoa học trong các trường, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức, quản lý và các hoạt động chuyên môn để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, đào tạo. Tăng cường đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học.

8. Tập trung thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, nhất là lĩnh vực y tế dự phòng, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn khó lường như hiện nay. Thường xuyên kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, nhất là tại các chợ, địa điểm kinh doanh, cơ sở ăn uống và tại các trường học. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong phòng, chống dịch bệnh, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình và tham gia bảo hiểm y tế.

9. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa và dịch vụ văn hóa, nhất là các hoạt động sinh hoạt văn hóa trong cộng đồng dân cư. Tập trung nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng xã văn hóa nông thôn mới. Tích cực kêu gọi đầu tư, phát triển hạ tầng thể dục thể thao và các khu vui chơi, giải trí tại các khu vực trong xã nhằm nâng cao sức khỏe, thể trạng người dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của xã.

Tập trung nguồn lực để triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy Chuyển đổi số. Trọng tâm là đưa Tổ Công nghệ số Cộng đồng vào hoạt động hiệu quả để hỗ trợ người dân. Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ trên các lĩnh vực.

10. Tiếp tục hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy, quản lý biên chế và hồ sơ cán bộ, nâng cao chất lượng công tác thi đua - khen thưởng. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đạt chuẩn, có tinh thần trách nhiệm cao. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định

pháp luật chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng theo quy định. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

11. Tiếp tục xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; thực hiện tốt công tác huấn luyện, xây dựng lực lượng và bảo đảm giao quân năm 2026 đạt chỉ tiêu trên giao. Phân đấu xã đạt an toàn về an ninh trật tự, xã không ma túy. Thường xuyên tuần tra, phát động có hiệu quả phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; phát huy hoạt động lực lượng đảm bảo an ninh trật tự cơ sở trong công tác đảm bảo tình hình an ninh trật tự trên địa bàn; bảo vệ các sự kiện lớn và các ngày lễ, tết trong năm 2026; kiểm chế, kéo giảm các loại tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến trật tự xã hội và kiểm chế tai nạn giao thông.

12. Phát huy vai trò của Trung tâm Phục vụ hành chính công, tập trung lãnh đạo thực hiện tốt cải cách hành chính; thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ hành chính gắn với công tác chuyển đổi số nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức và công dân. Đẩy mạnh công tác kiểm tra công vụ, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu, kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội; tích cực vận động mọi tầng lớp Nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Quới Điền khoá XII, kỳ họp thứ 3, thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các ngành có liên quan;
- Đơn vị chịu sự giám sát;
- CVP HĐND và UBND xã;
- Trang Thông tin UBND xã;
- Lưu: VT, HĐND (P.60b)

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Cẩm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Số: 4718 /UBND-KGVX

V/v phê duyệt chỉ tiêu giải quyết
việc làm và chỉ tiêu đưa người lao
động đi làm việc ở nước ngoài
theo hợp đồng năm 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Long, ngày 16 tháng 4 năm 2026

Kính gửi:

- Sở Nội vụ;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Thực hiện Nghị quyết số 267/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long 5 năm 2026 - 2030; Nghị quyết số 268/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long năm 2026;

Qua xem xét Tờ trình số 413/TTr-SNV ngày 19/3/2026 của Sở Nội vụ về việc trình phê duyệt chỉ tiêu giải quyết việc làm và chỉ tiêu đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phần đầu thực hiện năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất chỉ tiêu giải quyết việc làm và chỉ tiêu đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để các xã, phường tổ chức triển khai, phần đầu thực hiện trong năm 2026 theo đề xuất của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 413/TTr-SNV. Các chỉ tiêu được xác định trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu của các xã, phường và định hướng phân bổ chỉ tiêu của tỉnh năm 2026 (*chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời nhằm bảo đảm hoàn thành và phần đầu vượt các chỉ tiêu đã đề ra.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện tốt nội dung Công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Các Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Bé Mười

Phụ lục
CHỈ TIÊU GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÀ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG
PHẦN ĐẦU THỰC HIỆN NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số 4718/LBND-KGVX ngày 16 tháng 4 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Số TT	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu thực hiện năm 2026	
		Giải quyết việc làm	Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
1	Xã Ba Tri	680	80
2	Xã Song Phú	680	63
3	Xã Thành Thới	600	60
4	Xã Giồng Trôm	390	58
5	Xã Long Hồ	500	56
6	Xã Hương Mỹ	485	55
7	Xã Mỹ Thuận	323	50
8	Xã Phước Long	450	50
9	Xã Tân Thủy	700	50
10	Xã Nhơn Phú	700	46
11	Xã Long Hiệp	660	45
12	Xã Hùng Hòa	800	45
13	Xã Phong Thạnh	574	45
14	Xã Châu Thành	254	45
15	Xã Tân Hào	440	41
16	Xã Thạnh Trị	700	41

Số TT	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu thực hiện năm 2026	
		Giải quyết việc làm	Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
17	Xã Phú Túc	650	41
18	Xã Tân Xuân	450	41
19	Phường Bình Minh	829	40
20	Phường Thanh Đức	565	37
21	Phường Đông Thành	850	36
22	Phường Cái Vồn	635	35
23	Xã Hưng Mỹ	820	36
24	Xã Nhị Long	6.500	36
25	Xã Trà Cú	760	41
26	Xã Tập Sơn	1.071	39
27	Xã Tam Ngãi	1.005	39
28	Xã Song Lộc	450	43
29	Xã Mỹ Chánh Hòa	450	34
30	Xã Vĩnh Xuân	532	35
31	Xã Hòa Hiệp	550	38
32	Xã Táp Ngãi	400	35
33	Xã Thạnh Phước	600	35
34	Phường Tân Hạnh	665	30
35	Xã Cái Nhum	600	35
36	Xã Trà Côn	300	45
37	Xã Trà Ôn	350	35

Số TT	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu thực hiện năm 2026	
		Giải quyết việc làm	Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
38	Xã Cái Ngang	255	35
39	Xã Nhị Trường	657	50
40	Xã An Trường	400	35
41	Xã Càng Long	720	35
42	Xã Tiểu Cần	770	40
43	Xã Bình Phú	400	37
44	Xã An Qui	800	35
45	Xã Mỏ Cày	630	35
46	Xã Châu Hòa	450	35
47	Xã Hưng Nhượng	450	37
48	Xã An Ngãi Trung	960	37
49	Xã Ngãi Tứ	501	50
50	Xã Mỹ Long	470	35
51	Xã Đại Điền	675	35
52	Xã Phú Quới	800	35
53	Phường Long Châu	300	35
54	Phường Phước Hậu	300	35
55	Xã Lưu Nghiệp Anh	573	35
56	Phường Long Đức	700	35
57	Xã Cầu Ngang	600	35
58	Xã Phước Mỹ Trung	600	35

Số TT	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu thực hiện năm 2026	
		Giải quyết việc làm	Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
59	Xã Tân Thành Bình	700	35
60	Xã An Định	500	35
61	Xã An Hiệp	505	35
62	Xã Phú Thuận	400	35
63	Xã Hòa Bình	390	35
64	Phường Nguyệt Hóa	480	35
65	Xã Hiếu Phụng	435	35
66	Xã Hiệp Mỹ	600	30
67	Xã Trung Ngãi	355	35
68	Xã Quới Thiện	325	31
69	Xã An Bình	700	40
70	Xã Tân Long Hội	500	31
71	Xã Bình Phước	578	31
72	Xã Tân Lược	450	31
73	Xã Tam Bình	370	35
74	Xã Trung Hiệp	350	31
75	Xã Ngũ Lạc	520	31
76	Xã Tân An	718	31
77	Xã Cầu Kè	400	35
78	Xã Vinh Kim	600	35
79	Xã Hàm Giang	500	40

Số TT	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu thực hiện năm 2026	
		Giải quyết việc làm	Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
80	Xã Lương Phú	350	31
81	Xã Bảo Thạnh	300	31
82	Xã Thạnh Hải	254	31
83	Xã Châu Hưng	370	35
84	Xã Nhuận Phú Tân	600	31
85	Phường Bến Tre	300	31
86	Phường Phú Khương	500	36
87	Phường Phú Tân	350	31
88	Xã Quới Điền	1.150	31
89	Xã Thới Thuận	360	31
90	Xã Thạnh Phú	400	35
91	Xã Bình Đại	500	31
92	Xã Giao Long	500	31
93	Xã Đôn Châu	800	31
94	Xã Tân Phú	270	31
95	Xã Thạnh Phong	255	31
96	Xã Quới An	500	31
97	Xã Tân Quới	850	31
98	Xã Hiếu Thành	400	31
99	Xã Tiên Thủy	350	31
100	Xã Đại An	350	31

Số TT	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu thực hiện năm 2026	
		Giải quyết việc làm	Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
101	Phường Hòa Thuận	350	30
102	Xã Tân Hòa	350	40
103	Xã Chợ Lách	610	31
104	Xã Lương Hòa	254	31
105	Xã Lục Sĩ Thành	255	30
106	Phường Trà Vinh	600	30
107	Xã Vĩnh Thành	900	30
108	Xã Hưng Khánh Trung	300	30
109	Phường Tân Ngãi	800	30
110	Xã Long Thành	400	30
111	Phường Duyên Hải	550	30
112	Xã Phú Phụng	820	30
113	Xã Lộc Thuận	300	30
114	Xã Đồng Khởi	300	30
115	Xã Trung Thành	300	30
116	Xã Long Vĩnh	254	30
117	Xã Đông Hải	254	30
118	Xã Hòa Minh	255	30
119	Xã Long Hòa	255	30
120	Xã Long Hữu	325	30
121	Phường Trường Long Hòa	300	30

Số TT	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu thực hiện năm 2026	
		Giải quyết việc làm	Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
122	Xã An Phú Tân	254	30
123	Phường Sơn Đông	450	30
124	Phường An Hội	500	30
	Tổng cộng	70.000	4.500

Số: 4797/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu phát triển người tham gia
bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 268/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh
Vĩnh Long năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, nhiệm vụ,
giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2026;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Vĩnh Long tại Tờ trình
số 2059/TTr-BHXX ngày 28 tháng 7 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo
hiểm y tế năm 2026 (kèm theo phụ lục) cho Ủy ban nhân dân các xã, phường
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ chỉ tiêu phát triển
người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được giao đưa vào chỉ tiêu phát
triển kinh tế - xã hội năm 2026 của địa phương và tổ chức triển khai thực hiện
đảm bảo chỉ tiêu được giao.

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị
- xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện đảm bảo theo quy định; phối
hợp Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách
pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hướng dẫn
về nghiệp vụ, cung cấp số liệu và thường xuyên theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết
quả thực hiện, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo thực hiện đạt
kết quả các chỉ tiêu đề ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm xã
hội tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào

tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2026/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Bé Mười

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGƯỜI THAM GIA BHXH, BHYT NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 4797/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	UBND các xã, phường	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (%)	Chỉ tiêu BHXH		Ghi chú
			Tỷ lệ tham gia BHXH trên LLLĐ	Số người tham gia BHXH tự nguyện	
1	Phường Thanh Đức	100,00%	39,84%	963	
2	Phường Long Châu	100,00%	43,84%	1.348	
3	Phường Phước Hậu	100,00%	39,84%	1.330	
4	Phường Tân Hạnh	100,00%	43,24%	948	
5	Phường Tân Ngãi	100,00%	39,84%	911	
6	Xã Long Hồ	100,00%	47,34%	1.452	
7	Xã An Bình	100,00%	40,26%	1.365	
8	Xã Phú Quới	100,00%	50,97%	1.428	
9	Xã Cái Nhum	100,00%	48,14%	1.017	
10	Xã Tân Long Hội	100,00%	42,72%	772	
11	Xã Nhơn Phú	100,00%	42,37%	955	
12	Xã Bình Phước	100,00%	43,22%	831	
13	Xã Trung Thành	100,00%	33,83%	911	ATK
14	Xã Quới Thiện	100,00%	27,79%	747	ATK, XD
15	Xã Trung Ngãi	100,00%	31,41%	778	ATK
16	Xã Quới An	100,00%	30,33%	866	ATK
17	Xã Trung Hiệp	100,00%	32,48%	958	ATK
18	Xã Hiếu Phụng	100,00%	32,62%	712	
19	Xã Hiếu Thành	100,00%	30,60%	908	ATK
20	Phường Cái Vồn	100,00%	41,91%	851	ATK
21	Phường Bình Minh	100,00%	34,90%	851	
22	Phường Đông Thành	100,00%	41,46%	1.100	
23	Xã Tân Quới	100,00%	41,25%	1.268	
24	Xã Tân Lược	100,00%	37,34%	967	
25	Xã Mỹ Thuận	100,00%	36,97%	883	ATK
26	Xã Tam Bình	100,00%	38,06%	1.170	ATK
27	Xã Hòa Hiệp	100,00%	39,73%	1.140	
28	Xã Ngãi Tứ	100,00%	39,22%	1.675	ATK
29	Xã Song Phú	100,00%	41,47%	1.639	ATK
30	Xã Cái Ngang	100,00%	43,21%	1.476	ATK

31	Xã Lục Sỹ Thành	100,00%	31,08%	1.001	XĐ
32	Xã Trà Ôn	100,00%	33,72%	1.372	
33	Xã Trà Côn	100,00%	30,07%	1.550	ATK
34	Xã Vĩnh Xuân	100,00%	29,05%	1.336	ATK
35	Xã Hòa Bình	100,00%	31,79%	1.341	ATK
36	Phường Long Đức	100,00%	54,80%	794	ATK
37	Phường Trà Vinh	100,00%	48,97%	1.309	
38	Phường Nguyệt Hóa	100,00%	45,30%	1.041	ATK
39	Phường Hòa Thuận	100,00%	36,03%	695	
40	Xã Châu Thành	100,00%	44,70%	1.220	ATK
41	Xã Song Lộc	100,00%	38,06%	1.008	ATK
42	Xã Hưng Mỹ	100,00%	40,78%	965	ATK
43	Xã Hòa Minh	100,00%	44,66%	303	XĐ
44	Xã Long Hòa	100,00%	34,23%	291	XĐ
45	Xã Vĩnh Kim	100,00%	35,82%	594	
46	Xã Càng Long	100,00%	41,00%	1.292	ATK
47	Xã An Trường	100,00%	39,44%	1.399	ATK
48	Xã Tân An	100,00%	38,80%	1.033	ATK
49	Xã Nhị Long	100,00%	39,60%	1.189	ATK
50	Xã Bình Phú	100,00%	39,60%	1.287	ATK
51	Xã Cầu Kè	100,00%	27,89%	1.021	ATK
52	Xã Phong Thạnh	100,00%	24,71%	1.113	ATK
53	Xã An Phú Tân	100,00%	25,39%	795	ATK
54	Xã Tam Ngãi	100,00%	27,62%	1.039	ATK
55	Xã Tiểu Cần	100,00%	41,79%	1.112	ATK
56	Xã Tân Hòa	100,00%	36,93%	1.196	ATK
57	Xã Hùng Hòa	100,00%	42,90%	1.040	ATK
58	Xã Tập Ngãi	100,00%	40,44%	964	ATK
59	Xã Trà Cú	100,00%	40,71%	871	
60	Xã Đại An	100,00%	37,58%	754	ATK
61	Xã Lưu Nghiệp Anh	100,00%	39,62%	841	ATK
62	Xã Hàm Giang	100,00%	38,67%	947	ATK
64	Xã Long Hiệp	100,00%	40,81%	981	ATK
65	Xã Tập Sơn	100,00%	36,90%	1.118	ATK
66	Xã Cầu Ngang	100,00%	35,91%	838	ATK
67	Xã Nhị Trường	100,00%	36,02%	975	
68	Phường Duyên Hải	100,00%	34,79%	844	ATK
69	Phường Trường Long Hòa	100,00%	31,53%	555	ATK
70	Xã Long Hữu	100,00%	26,88%	539	
63	Xã Long Thành	100,00%	27,70%	553	XĐ

71	Xã Đông Hải	100,00%	24,83%	444	ATK, XD
72	Xã Long Vĩnh	100,00%	24,64%	529	ATK, XD
73	Xã Đôn Châu	100,00%	27,68%	971	ATK
74	Xã Ngũ Lạc	100,00%	27,00%	880	
75	Xã Hiệp Mỹ	100,00%	35,45%	987	ATK
76	Xã Mỹ Long	100,00%	34,56%	723	ATK
77	Phường An Hội	100,00%	38,80%	1.062	
78	Phường Phú Khương	100,00%	42,33%	911	
79	Phường Bến Tre	100,00%	42,33%	686	
80	Phường Sơn Đông	100,00%	41,06%	603	ATK
81	Phường Phú Tân	100,00%	41,06%	527	ATK
82	Xã Phú Túc	100,00%	38,76%	1.490	ATK
83	Xã Giao Long	100,00%	43,78%	1.091	ATK
91	Xã Tiên Thủy	100,00%	34,10%	570	ATK
84	Xã Tân Phú	100,00%	31,81%	690	ATK
85	Xã Hưng Nhượng	100,00%	34,64%	806	ATK
86	Xã Giồng Trôm	100,00%	35,70%	834	
87	Xã Tân Hào	100,00%	34,50%	794	ATK
88	Xã Phước Long	100,00%	34,52%	706	ATK
89	Xã Lương Phú	100,00%	35,37%	703	ATK
90	Xã Châu Hòa	100,00%	35,96%	735	ATK
92	Xã Lương Hòa	100,00%	35,47%	592	ATK
93	Xã Phước Mỹ Trung	100,00%	33,47%	903	ATK
94	Xã Tân Thành Bình	100,00%	35,06%	1.207	ATK
95	Xã Nhuận Phú Tân	100,00%	31,74%	902	ATK
96	Xã Phú Phụng	100,00%	29,77%	576	
97	Xã Chợ Lách	100,00%	29,70%	902	
98	Xã Vĩnh Thành	100,00%	26,55%	1.057	
99	Xã Hưng Khánh Trung	100,00%	30,70%	923	
100	Xã Đồng Khởi	100,00%	36,45%	927	ATK
101	Xã Mỏ Cày	100,00%	34,28%	1.066	
102	Xã Thành Thới	100,00%	33,10%	667	ATK
103	Xã An Định	100,00%	32,71%	978	ATK
104	Xã Hương Mỹ	100,00%	30,38%	948	ATK
105	Xã Đại Điền	100,00%	31,22%	966	ATK
106	Xã Quới Điền	100,00%	32,24%	815	ATK
107	Xã Thạnh Phú	100,00%	30,21%	875	ATK
108	Xã An Qui	100,00%	30,84%	914	ATK
109	Xã Thạnh Hải	100,00%	27,68%	669	ATK
110	Xã Thạnh Phong	100,00%	29,94%	495	ATK

111	Xã Tân Thủy	100,00%	25,86%	822	
112	Xã Bảo Thạnh	100,00%	28,66%	421	
113	Xã Ba Tri	100,00%	32,07%	1.052	
114	Xã Tân Xuân	100,00%	31,49%	748	ATK
115	Xã Mỹ Chánh Hòa	100,00%	34,44%	604	
116	Xã An Ngãi Trung	100,00%	32,54%	554	
117	Xã An Hiệp	100,00%	31,06%	579	ATK
118	Xã Thới Thuận	100,00%	30,67%	539	ATK
119	Xã Thạnh Phước	100,00%	32,24%	584	ATK
120	Xã Bình Đại	100,00%	29,21%	876	
121	Xã Thạnh Trị	100,00%	31,84%	745	ATK
122	Xã Lộc Thuận	100,00%	35,82%	760	ATK
123	Xã Châu Hưng	100,00%	35,88%	629	ATK
124	Xã Phú Thuận	100,00%	35,45%	497	

Số: 591 /QĐ-STC

Vĩnh Long, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, vận động hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Nghị quyết số 268/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phát triển doanh nghiệp và Kinh tế tập thể.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, vận động hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp năm 2026 cho 124 xã, phường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, cụ thể theo Bảng phân bổ chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, vận động hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp năm 2026 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ chỉ tiêu được giao tại Điều 1, có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, vận động hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp năm 2026 phù hợp với chỉ tiêu được giao và điều kiện thực tế tại địa phương. Trường hợp Hội đồng nhân dân xã, phường đã quyết nghị chỉ tiêu thấp hơn chỉ tiêu được giao, Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, tổ chức thực hiện bảo đảm phân đầu hoàn thành chỉ tiêu được giao.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp đăng ký thành lập mới theo quy định pháp luật.

c) Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Phòng Phát triển doanh nghiệp và Kinh tế tập thể - Sở Tài chính:

a) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các xã, phường trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, vận động hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Tham mưu Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ và đột xuất.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Phát triển doanh nghiệp và Kinh tế tập thể, Thủ trưởng các phòng, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, PTDN&KTTT.



Trương Đặng Vĩnh Phúc